

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST.

Ngày: 28-4-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản, nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2023/TLST–DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1972 (vắng mặt) và ông Lê Hồng H, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm E, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984 (có mặt) và bà Phạm Thị D, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1962 (có mặt) và bà Trần Thị Hồng H1 (Trần Hồng H1), sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm C, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày:

Bà T, ông H có tham gia chơi hui do vợ chồng bà Trần Hồng H1 (Trần Thị Hồng H1) và ông Nguyễn Văn Đ cụ thể các dây hui như sau:

- Vào năm 2020, bà T, ông H có chơi hui do vợ chồng ông Đ, bà H1 làm chủ hui:

+ Dây hụi 1: Hụi 5.000.000 đồng (hụi tháng) khai ngày 24/10/2020 âm lịch có 30 người tham gia, Bà T, ông H chơi 02 phần, ở dây hụi này Bà T, ông H đã đóng hụi sống cho đến lần thứ 25, vợ chồng ông Đ, bà H1 ngưng hụi, không tiếp tục chơi nữa, sau đó Bà T, ông H có cản trở và thống nhất vợ chồng ông Đ, bà H1 có nợ Bà T, ông H số tiền hụi là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), nhưng sau đó vợ chồng ông Đ, bà H1 không giao tiền hụi cho Bà T, ông H và nói là mượn lại.

Như vậy ở dây hụi này vợ chồng ông Đ, bà H1 còn nợ số tiền hụi là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

+ Dây hụi 2: Hụi 5.000.000 đồng (hụi tháng) khai ngày 09/01/2021 âm lịch có 22 người tham gia, Bà T, ông H chơi 02 phần, ở dây hụi này đã đóng hụi sống cho đến khi hụi mãn thì Bà T, ông H hốt hụi với số tiền là 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng), nhưng sau đó vợ chồng ông Đ, bà H1 không giao tiền hụi cho và nói là mượn lại.

Như vậy ở dây hụi này vợ chồng ông Đ, bà H1 còn nợ số tiền hụi là 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng).

+ Dây hụi 3: Hụi 5.000.000 đồng (hụi tháng) khai ngày 16/08/2021 âm lịch có 15 người tham gia, Bà T, ông H chơi 01 phần, ở dây hụi này Bà T, ông H đã đóng hụi sống đến lần thứ 09 thì vợ chồng ông Đ, bà H1 ngưng hụi, không tiếp tục chơi nữa, nên ở dây hụi này và vợ chồng ông Đ, bà H1 phải có nghĩa vụ trả cho Bà T, ông H mỗi lần hụi là: 5.000.000 đồng, là: 5.000.000 đồng x 09 lần x 01 = 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng)

Như vậy ở dây hụi này vợ chồng ông Đ, bà H1 còn nợ lại Bà T, ông H số tiền hụi là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng)

Sau đó vợ chồng ông Đ, bà H1 có viết biên nhận về việc còn nợ Bà T, ông H số tiền hụi ở các dây hụi là 480.000.000 đồng (*bốn trăm tám mươi triệu*)

Ngoài ra, vào năm 2021 Bà T, ông H có cho vợ chồng ông Đ, bà H1 vay số tiền với các lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 20/8/2021 Â (nhằm ngày 26/9/2021) vay số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);

- Lần 2: Vào ngày 29/9/2021 AL (nhằm ngày 03/11/2021) vay số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);

- Lần 3: Vào ngày 02/10/2021 AL (nhằm ngày 06/11/2021) vay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

- Lần 4: Vào ngày 12/11/2021 AL (nhằm ngày 15/12/2021) vay số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng);

- Lần 5: Vào ngày 05/12/2021 AL (nhằm ngày 07/01/2022) vay số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng);

- Lần 6: Vào ngày 19/5/2022 AL (nhằm ngày 17/6/2021) vay số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng);

- Lần 7: Vào ngày 27/7/2022 AL (nhằm ngày 24/8/2022) H1 vay số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng);

Tổng số tiền mà vợ chồng ông Đ, bà H1 còn nợ Bà T, ông H là 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi ngàn đồng)

Lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,66%/tháng, mục đích vay tiền để tiêu dùng trong gia đình, việc vay tiền có làm biên nhận và do bà H1 viết, đồng thời có bà H1 và ông Đ cùng ký tên vào biên nhận nợ.

Sau khi vay thì vợ chồng ông Đ, bà H1 có đóng lãi cho Bà T, ông H đến ngày 09/09/2022 âm lịch thì ngưng và không tiếp tục đóng lãi nữa.

Như vậy, tổng số tiền mà vợ chồng bà H1, ông Đ còn nợ Bà T, ông H là 910.000.000 đồng (chín trăm mười triệu đồng)

Vợ chồng bà T, ông H đã rất nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà H1 phải trả nợ nhưng vợ chồng ông Đ, Bà H1 chỉ hứa hẹn cho qua lè chứ không thực hiện việc trả nợ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần tính lãi suất với số tiền vay là **35.690.000 đồng và lãi tiền hui 7.968.000 đồng** và yêu cầu Tòa án buộc vợ, chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Hồng H1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà T, ông H số tiền vay là: 430.000.000 đồng (Bốn trăm, ba mươi triệu đồng) và tiền nợ hui là 480.000.000 đồng. Tổng cộng là 910.000.000 đồng (chín trăm mười triệu đồng)

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Hồng H1 trình bày:

Bà H1 thống nhất với lời trình bày của phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà H1 và ông Đ có vay tiền nhiều lần như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và còn nợ tiền gốc vay của nguyên đơn tổng cộng 430.000.000 đồng.

Đối với tiền hui, bà H1 thừa nhận có vợ chồng bà T, ông H có tham gia 03 dây hui như lời trình bày của phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà H1 và ông Đ còn nợ tiền hui là 480.000.000 đồng.

Do hoàn cảnh khó khăn nên xin không trả lãi nữa mà chỉ trả mỗi tháng là 5.000.000 đồng.

3/ Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà H1 và đồng ý theo ý kiến của bà H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Đoàn Thị T, ông Lê Hồng H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị D đều vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên có ông Nguyễn Văn Ú là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa (theo nội dung ủy quyền của nguyên đơn thì ông Ú và bà D có quyền thay thế nhau để đại diện và nhân danh bà T và ông H tham gia giải quyết vụ án), đồng thời các đương sự yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay và tiền nợ hui, đồng thời bị đơn có nơi cư trú ở Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay là **35.690.000 đồng và lãi tiền hui 7.968.000 đồng**.

Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Lê Hồng H và bà Đoàn Thị T yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Hồng H1 và ông Nguyễn Văn Đ cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay 430.000.000 đồng và tiền hui là 480.000.000 đồng. Bị đơn bà H1 và ông Đ thống nhất có nợ ông H, bà T số tiền vay 430.000.000 đồng và tiền hui là 480.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà H1 và ông Đ có nợ ông H, bà T số tiền vay 430.000.000 đồng và tiền hui là 480.000.000 đồng là có thật.

Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên ông H, bà T khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà H1 hoàn trả số tiền vay và tiền hui tổng cộng là 910.000.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về lãi suất: tại phiên tòa phía nguyên đơn đã rút lại yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Bị đơn yêu cầu được trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, phía nguyên đơn không đồng ý, vấn đề này sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành án.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đ và bà H1 cùng phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông Đ và bà H1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo đ, khoản 2, điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 288, 466, 468; 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ, họ, họ và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ, họ, họ;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay là **35.690.000 đồng và lãi tiền hạn 7.968.000 đồng**.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng H và bà Đoàn Thị T về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Hồng H1 và ông Nguyễn Văn Đ cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay và tiền hạn.

Buộc bà Trần Thị Hồng H1 và ông Nguyễn Văn Đ cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Lê Hồng H và bà Đoàn Thị T số tiền vay là 430.000.000 đồng và tiền hạn là 480.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Lê Hồng H và bà Đoàn Thị T thì hàng tháng bà Trần Thị Hồng H1 và ông Nguyễn Văn Đ còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

3/ Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Hồng H1 và ông Nguyễn Văn Đ được miễn tiền án phí.

Ông Lê Hồng H và bà Đoàn Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Lê Hồng H và bà Đoàn Thị T 20.305.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006447 do Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm thu ngày 13/3/2023.

4/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Phương